

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/LĐST
Ngày 28/11/2018
*V/v Tranh chấp về bảo hiểm
xã hội.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị T Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Huế

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Liên đoàn Lao động huyện Củ Chi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 26/2018/TLST-LĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2018/QĐST-LĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 321/2018/QĐST-LĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1975.

Địa chỉ liên lạc: Số 12/10 đường B, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH N.

Địa chỉ: Lô B2-9, Khu công Nghiệp T, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nam Sung H - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lục Thị C, sinh năm: 1986.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp S, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Lô B2-9, Khu công Nghiệp T, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 9 năm 2018).

Bà Lục Thị C vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1981, chuyên viên Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 15 tháng 11 năm 2018).

Ông Nguyễn Văn C có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2018 và tại phiên tòa ngày 28/11/2018, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T trình bày:*

Bà làm việc tại Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) từ tháng 02/2012. Bà có quyết định nghỉ việc vào ngày 24/01/2017. Tuy nhiên trong quá trình làm việc thì Công ty N đã không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017. Bà đã yêu cầu Công ty N giải quyết chế độ trên cho bà nhưng Công ty N không thực hiện. Để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, bà khởi kiện yêu cầu Công ty N phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà từ tháng 12/2015, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà. Ngoài ra, bà yêu cầu Công ty N phải chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà là 5.900.000đ (năm triệu chín trăm nghìn đồng) vì hiện nay bà chưa đi làm nơi khác.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn nộp tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Hợp đồng lao động, quyết định nghỉ việc.

- *Tại bản tự khai ngày 15/10/2018, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH N, bà Lục Thị C trình bày:*

Bị đơn xác nhận bà Phạm Thị Kim T là người lao động của Công ty, ký hợp đồng lao động vào tháng 4/2012 và kết thúc hợp đồng lao động vào tháng 01/2017. Từ tháng 12/2015 trở đi, Công ty N chưa nộp bảo hiểm xã hội cho bà T.

Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, Công ty đã đóng đến thời điểm bà T nghỉ việc (tháng 01/2017).

Công ty N sẽ chốt sổ bảo hiểm cho bà T đến tháng 11/2015 và trả sổ cho bà T. Còn quá trình còn lại thì Công ty sẽ liên hệ bà T để chốt sổ sau khi đóng đủ tiền cho bảo hiểm xã hội.

Về bảo hiểm thất nghiệp: Công ty đã đóng đầy đủ bảo hiểm thất nghiệp cho bà T nên quá trình làm sẽ bảo lưu lại trong sổ và khi làm chỗ mới sẽ đóng tiếp vào sổ, đồng thời chế độ bảo hiểm thất nghiệp vẫn được hưởng đầy đủ.

Công ty đã tạm ngưng không chi trả tiền mặt cho người lao động, tất cả các chế độ cơ quan bảo hiểm sẽ giải quyết.

- Tại phiên tòa ngày 28/11/2018, ông Nguyễn Văn Chính là người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi trình bày:

Công ty N còn nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội của bà Phạm Thị Kim T là 15.691.000đ (mười lăm triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng), tiền lại chậm đóng đến tháng 10/2018 là 5.097.047đ (năm triệu không trăm chín mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng), tổng cộng là 20.788.047đ (hai mươi triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng). Công ty N đã đóng bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho bà T. Bà T có thể liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi để làm xác nhận thời gian đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty N.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T về việc yêu cầu Công ty TNHH N đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 12/2015 đến tháng 01/2017, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà T đến tháng 01/2017 và tính toán tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở hoạt động tại xã Tân An Hội, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, vắng mặt người đại diện hợp pháp của phía bị đơn mà không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Tại phiên tòa, bà T yêu cầu Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 01/2017, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà đến tháng 01/2017; t toán tiền bảo hiểm thất nghiệp cho bà vì hiện nay, bà chưa đi làm việc.

- Tại phiên tòa, mặc dù phía bị đơn vắng mặt nhưng tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/10/2018, bị đơn thống nhất số tiền bảo hiểm xã hội của bà T mà Công ty N chưa nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội là 15.691.000đ (mười lăm triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 10/2018 là 5.097.047đ (năm triệu không trăm chín mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng), tổng cộng là 20.788.047đ (hai mươi triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng).

Hội đồng xét xử nhận định:

- Bà T làm việc tại Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) từ tháng 02/2012. Bà T có quyết định nghỉ việc vào ngày 24/01/2017. Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động hàng tháng phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Việc Công ty N chậm nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động đã xâm phạm đến quyền lợi của người lao động và gây khó khăn cho việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động. Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ kết quả xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi và sự thừa nhận của phía bị đơn tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/10/2018 thì Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động mặc dù hàng tháng Công ty đã trích thu khoản tiền này của người lao động. Bắt đầu từ tháng 12/2015 đến tháng 01/2017, Công ty N không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà T với số tiền là 15.691.000đ (mười lăm triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 10/2018 là 5.097.047đ (năm triệu không trăm chín mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng), tổng cộng là 20.788.047đ (hai mươi triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng). Do vậy, cần buộc Công ty N phải có nghĩa vụ đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội số tiền trên là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật lao động thì: “Người sử dụng lao động có trách nhiệm hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ bảo hiểm xã hội và những giấy tờ khác mà người sử dụng lao động đã giữ lại của người lao động”. Do đó cần buộc Công ty N phải chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà T đến tháng 01/2017, thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật việc làm năm 2013 thì: “Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm dịch vụ việc làm”. Bà T nghỉ việc từ tháng 01/2017 nhưng do Công ty N chậm đóng bảo hiểm xã hội cho bà T nên cơ quan Bảo hiểm xã hội chưa chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà T. Như vậy từ khi chấm dứt hợp đồng lao động đến nay đã quá thời hạn 03 tháng để bà T nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp dẫn đến việc bà T không được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Việc bà T không được hưởng trợ cấp thất nghiệp là hoàn toàn do lỗi của Công ty N đã không đóng bảo hiểm xã hội cho bà T kịp thời. Do đó cần buộc Công ty N phải bồi thường thiệt hại đối với mức trợ cấp thất nghiệp mà đáng lý ra bà T được hưởng.

Theo quy định tại Điều 50 Luật việc làm thì nếu người lao động đã đóng bảo hiểm từ đủ 12 tháng đến 36 tháng thì mức bảo hiểm thất nghiệp được hưởng là 60% mức lương đóng bảo hiểm thất nghiệp. Trên hệ thống bảo hiểm xã hội thì bà T đủ điều kiện để được hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp chưa hưởng của bà T là 04 năm 11 tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật việc làm năm 2013 thì thời gian hưởng mức trợ cấp thất nghiệp của bà T là 04 tháng. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp của bà T là: $[(4.366.000đ \times 5) + 4.616.000đ] : 6 = 4.407.666đ$. Như vậy số tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp của bà T là: 4 tháng $\times$ 60% $\times$ 4.407.666đ = 10.578.398đ (mười triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm chín mươi tám đồng). Số tiền này buộc Công ty N phải bồi thường cho bà T. Tuy nhiên, phía Công ty N đã trả cho bà T được 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), còn lại 5.978.398đ (năm triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm chín mươi tám đồng). Bà T yêu cầu Công ty N tính toán cho bà số tiền 5.900.000đ (năm triệu chín trăm nghìn đồng), đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trợ cấp thất nghiệp mà Công ty TNHH N phải trả cho bà T, hàng tháng Công ty TNHH N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 213, Điều 228, Điều 246, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 47, Điều 200 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Áp dụng Điều 21, Điều 96 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 44, Điều 50 Luật Việc làm năm 2013;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T.

- Buộc Công ty TNHH N phải nộp vào quỹ bảo hiểm xã hội số tiền nợ bảo hiểm xã hội của bà T từ tháng 12/2015 đến tháng 01/2017 với số tiền là 15.691.000đ (mười lăm triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng), tiền lãi chậm

đóng tính đến tháng 10/2018 là 5.097.047đ (năm triệu không trăm chín mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng), tổng cộng là 20.788.047đ (hai mươi triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng); buộc Công ty TNHH N phải chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà T đến tháng 01/2017, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty TNHH N phải trả cho bà T tiền trợ cấp thất nghiệp là 5.900.000đ (năm triệu chín trăm nghìn đồng), t toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trợ cấp thất nghiệp mà Công ty TNHH N phải trả cho bà T, hàng tháng Công ty TNHH N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm buộc Công ty TNHH N phải nộp là 800.641đ (tám trăm nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng).

3. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị T Hương